TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2023.
V/v ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Thiện Phong

2. Ông Danh On

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 8, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường H, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé S trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường H xây dựng hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, chị S và anh H bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh H đã sống ly thân gần 10 năm nay. Sau khi ly thân, chị và anh H cũng không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/10/2004. Do con chung đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S xác định chị và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Trường H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh Hđã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh H để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh H nên Tòa án không có lời khai của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh H. Về con chung đã trưởng thành, chị S không yêu cầu nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí về hôn nhân và gia đình, chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Bé S nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường H. Khi khởi kiện, anh H có địa chỉ tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bé S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Sáu theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Trường H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Nguyễn Trường H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 234 ngày 06 tháng 12 năm 2014 nên hôn nhân giữa chị S và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị Nguyễn Thị Bé S xác định trong thời gian chung sống, giữa chị S và anh H phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị S và anh H đã ly thân gần 10 năm nay. Sau khi ly thân, chị S và anh H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh H biết chị S yêu

cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện được thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị S, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H để hòa giải, xét xử nhưng anh H có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị S và anh H đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị S yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, chị S và anh H có một người con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/10/2004. Tính đến nay, cháu H đã trưởng thành, chị S và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định quá trình chung sống chị S và anh H không có tài sản chung, nợ chung và không yêu Tòa án cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé S đối với anh Nguyễn Trường H. Xử cho chị Nguyễn Thị Bé S được ly hôn với anh Nguyễn Trường H.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/10/2004 đã trường thành, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bé S xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Bé S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0010710 ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Thu